TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 6 - 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ch
Bà Đỗ Thị Vân A

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - P.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ngọc S, S năm 1985.**

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H, S năm 1982.**

Đều ĐKTT: Tổ 01, phố P, phường T, tỉnh P.

(Chị S, anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh P (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh P). Sau kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng tại tổ 01, phố P, phường Bạch Hạc, tỉnh P (nay là phường T, tỉnh P). Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt quan điểm sống dẫn đến tranh cãi thường xuyên kéo dài không có tiếng nói chung, vợ chồng không thể hòa hợp. Đến khoảng tháng 11/2024 anh H đã đuổi chị ra khỏi nhà. Chị và anh H đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thương, S ngày 10/02/2003; cháu Nguyễn Văn Huy, S ngày 04/11/2004 và cháu Nguyễn Thành Đạt, S ngày 22/01/2013. Hiện nay cháu Thương và cháu Huy đã thành niên nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Ly hôn, chị có nguyện

vọng nuôi cháu Đạt đến khi trưởng thành và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn anh Anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc S tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/02/2003 tại Uỷ ban nhân dân phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh P (nay là Uỷ ban nhân dân phường T, tỉnh P). Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại tổ 01, phố P, phường Bạch Hạc, tỉnh P (nay là phường T, tỉnh P). Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã đỉnh điểm tháng 11/2024 vợ chồng đã cãi chửi nhau, anh đã đuổi chị S ra khỏi nhà. Chị S đã chuyển ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh cũng đã nhiều lần sang nói chuyện hàn gắn nhưng chị S kiên quyết không muốn hàn gắn mà đuổi anh. Nay chị S xin ly hôn quan điểm của anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thương, S ngày 10/02/2003; cháu Nguyễn Văn Huy, S ngày 04/11/2004 và cháu Nguyễn Thành Đạt, S ngày 22/01/2013. Hiện cháu Thương và cháu Huy đã thành niên. Nếu vấn đề ly hôn đặt ra thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của cháu Đạt, về việc cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Cháu Nguyễn Thành Đạt có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S và bị đơn anh Nguyễn Văn H. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 01, phố P, phường T, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - P là đúng quy định pháp luật.

- Do vụ án Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp không tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp.

- Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S và bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S và anh H.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như chị S và anh H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mâu thuẫn kéo dài do không có tiếng nói chung, đỉnh điểm là tháng 11/2024 vợ chồng cãi chửi nhau, sau đó anh H đuổi chị S ra khỏi nhà. Chị S đã chuyển ra ngoài ở, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù anh H có đến gặp chị S để hàn gắn nhưng chị S không đồng ý và đuổi anh. Tại phiên hòa giải ngày 11/5/2026 tại Tòa án, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và kiên quyết không muốn hàn gắn cùng anh H.

Từ những mâu thuẫn nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị S, anh H hiện nay đã không còn chung sống với nhau, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S đối với anh H là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị S và anh H đều xác nhận anh chị có 03 (ba) con chung là Nguyễn Ngọc Thương, S ngày 10/02/2003; Nguyễn Văn Huy, S ngày 04/11/2004 và Nguyễn Thành Đạt, S ngày 22/01/2013. Hiện nay cháu Thương và cháu Huy đã thành niên nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đạt, chị S có nguyện vọng nuôi cháu Đạt đến khi trưởng thành và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, còn anh H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của cháu Đạt, về cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu thì anh cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị S, anh H có 03 (ba) con chung, hiện nay 02 (hai) con chung là cháu Thương và cháu Huy đã thành niên nên anh chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Còn cháu Đạt chưa thành niên và có nguyện vọng được cùng mẹ. Xét theo nguyện vọng của cháu Đạt cũng như nguyện vọng của chị S, anh H thì giao cháu Đạt cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi cháu Đạt, chị S không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng và anh H cũng nhất trí, do vậy anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S. Chị S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị S và anh H đều xác nhận anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc S về việc "Ly hôn". Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Văn H có 03 (ba) con chung là Nguyễn Ngọc Thương, S ngày 10/02/2003; Nguyễn Văn Huy, S ngày 04/11/2004 và Nguyễn Thành Đạt, S ngày 22/01/2013. Con chung Nguyễn Ngọc Thương và Nguyễn Văn Huy đã thành niên nên chị S, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thành Đạt giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S. Chị S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Văn H đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị S đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003473 ngày 17/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh P.

5. Chị S, anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 - P;
- THADS tỉnh P;
- UBND P. T, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị H